

Số: /KH-SNNMT

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch hành động số 266-KH-TU ngày 26/4/2025 của Bí thư Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ-TW); Kế hoạch hành động số 266-KH-TU ngày 26/4/2025 của Bí thư Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chương trình số 04-CTr/BCĐ ngày 19/5/2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về chương trình công tác trọng tâm của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 1081/SKH-CN-KHTC ngày 23/5/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch 266-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, bảo đảm toàn Đảng bộ và các phòng, đơn vị thuộc Sở nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, tạo quyết tâm chính trị, sự đồng thuận cao của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tổ chức thực hiện.

- Cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các văn bản lãnh đạo chỉ đạo của Trung ương¹, Kế hoạch hành động số 266-KH-TU ngày 26/4/2025 của Bí

¹ Như: Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP

thư Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 04-CTr/BCĐ ngày 19/5/2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về chương trình công tác trọng tâm của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025, các văn bản của Tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành các mục tiêu quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hoá.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Thực hiện tốt Kế hoạch hành động để đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 266-KH-TU ngày 26/4/2025 của Bí thư Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 04-CTr/BCĐ ngày 19/5/2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về chương trình công tác trọng tâm của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025 phải nghiêm túc, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, tập trung những lĩnh vực ưu tiên, có trọng tâm, có tính lan tỏa tạo ra giá trị gia tăng cao; không dàn trải, hình thức và theo phong trào.

- Xây dựng kế hoạch phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên của tỉnh. Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo từng giai đoạn 5 năm, bảo đảm khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện rõ ràng; phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; đề cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Huy động và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nhất là nguồn ngân sách Nhà nước, ưu tiên đầu tư cho khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo, bảo đảm công khai, minh bạch và sử dụng các nguồn lực; chú trọng triển khai thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, đơn vị thuộc Sở và các Sở, ngành liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, bảo đảm đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực

hiện theo đúng quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, thực chất. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của cấp uỷ, cơ quan, đơn vị trực thuộc. Thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện hạ tầng CNTT để quản lý và phục vụ kết nối dữ liệu một cách an toàn, ổn định và hiệu quả; 100% cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- Xây dựng và hoàn thiện dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo kết nối được với hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh, bộ; từng bước tự động hoá công tác báo cáo, thống kê phục vụ chỉ đạo điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu ngành.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được giải quyết trực tuyến toàn trình và được số hoá kết quả giải quyết. 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các phòng, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan, đơn vị có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của Sở được thực hiện thông qua hệ thống thông tin Một cửa điện tử.

- 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn bản có hồ sơ mật theo quy định); 100% báo cáo định kỳ (trừ nội dung mật) được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Bố trí cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch; ưu tiên bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật và cấp uỷ tham gia thực hiện.

- Xây dựng quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, cơ chế phối hợp, phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ quyền hạn của các phòng, đơn vị và từng thành viên ban chỉ đạo trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Sở giai đoạn 2025-2030, định hướng năm 2045.

- Đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân; rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hoá quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, khởi nghiệp (startup) tiếp cận thông tin về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và môi trường.

- Đề xuất chính sách ưu tiên các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, tuần hoàn, hữu cơ, công nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

- Cấp uỷ, chi bộ quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số bằng các hình thức phù hợp để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động hiểu rõ sự cần thiết và tính cấp thiết của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; hiệu quả và kết quả của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong nông nghiệp, môi trường, lợi ích của việc ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và khai thác các dịch vụ công trực tuyến, ... đồng thời nâng cao khả năng nhận biết và ứng phó với hành vi tiêu cực, gian lận trong thương mại điện tử, lừa đảo trên không gian mạng.

- Xây dựng các trang chuyên đề, chuyên mục, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các cơ quan thông tấn, báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội; tăng cường tuyên truyền các mô hình hay, sáng tạo, cách làm thành công, kịp thời phát hiện và tôn vinh các tập thể, cá nhân điển hình.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ hiểu, dễ tiếp cận, phù hợp với nhiều đối tượng (video clip, inforaphic, mạng xã hội ...); Mời chuyên gia, nhà khoa học có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi tham gia chia sẻ, truyền đạt.

- Cấp uỷ, chi bộ xây dựng, ban hành kế hoạch chi tiết về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, gắn chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực được giao; kế hoạch phải xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cần đạt được đối với từng giai đoạn (đến hết năm 2025, năm 2030, năm 2035.). Chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số trong lĩnh vực được giao phụ trách; lấy việc triển khai thực hiện Chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm.

- Người đứng đầu các cấp uỷ đảng, chính quyền, cơ quan, phòng, đơn vị thuộc Sở phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo việc quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 266-KH-TU ngày 26/4/2025 của Bí thư Tỉnh uỷ và các văn bản của Tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách; gương mẫu đi đầu và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tập thể, cá nhân, xác định rõ thời gian hoàn thành, chỉ tiêu, kết quả cần đạt được theo giai đoạn và từng năm.

- Triển khai sâu rộng phong trào “bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

3. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số đồng bộ, hiện đại

- Rà soát, đầu tư nâng cấp, bổ sung cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo 100% cho các phòng, đơn vị thuộc Sở được kết nối mạng, vận hành thông suốt, an toàn các ứng dụng phục vụ công tác quản lý chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc; đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu dùng chung; đảm bảo hệ thống trang thiết bị phục vụ hợp tác trực tuyến của các cơ quan, đơn vị.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai, giải quyết các vấn đề môi trường, xã hội; thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

4. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

- Quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cụ thể hoá trách nhiệm trong tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ hệ thống thông tin trọng yếu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; xử lý nghiêm theo quy định các trường hợp gây mất an ninh mạng, lộ, lọt, mất bí mật nhà nước, vi phạm dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin; tập trung kiểm soát và xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Đầu tư, thuê dịch vụ để bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hạ tầng số của Sở, triển khai các biện pháp bảo vệ nhiều lớp, hệ thống giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố, phục hồi hệ thống thông tin.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố Sở an toàn, an ninh mạng để chủ động ứng phó, phòng ngừa, xử lý kịp thời các sự cố an toàn, an ninh mạng. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, nâng cao năng lực, chất lượng của đội ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế, quy định cho các hệ thống mạng CNTT của Sở, để đảm bảo an toàn thông tin mạng, vận hành an toàn, ổn định, thông suốt.

- Giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân (bao gồm cả biện pháp kỹ thuật, tuân thủ, hành chính) phù hợp, tương xứng với tầm quan trọng của dữ liệu.

- Tham gia các lớp diễn tập thực chiến về an toàn thông tin mạng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức.

5. Nâng cao nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức số, quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, có chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại Sở.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Chủ động hợp tác về chuyển đổi số; tổ chức hội thảo, chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia về chuyển đổi số.

- Học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết thoả thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

7. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch hành động số 266-KH-TU ngày 26/4/2025 của Bí thư Tỉnh uỷ và các văn bản của Tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, định kỳ kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

8. Nhiệm vụ cụ thể

- Danh mục các nhiệm vụ phân công các Lãnh đạo Sở chỉ đạo và giao phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc của Sở thực hiện.

(Chi tiết tại phụ II kèm theo Kế hoạch).

- Đối với các nhiệm vụ thực hiện trong năm 2025, yêu cầu các đơn vị được giao tham mưu Tờ trình và Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư báo cáo Giám đốc Sở trình UBND tỉnh **xong trước ngày 15/6/2025**.

- Thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 16/KH-SNNMT ngày 11/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” tại Sở Nông nghiệp và Môi trường năm 2025.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), nguồn xã hội hoá và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát, trách tiêu cực, lãng phí.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ Kế hoạch này chỉ đạo tổ chức quán triệt triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, báo cáo Giám đốc Sở kết quả thực hiện qua Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường vào ngày thứ 6 hàng tuần, và định kỳ hàng tháng, quý, năm theo quy định. *(theo Phụ lục III và Phụ lục IV kèm theo)*.

- Các đồng chí Phó Giám đốc Sở được giao phụ trách chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh uỷ (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các đồng chí Phó giám đốc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTDLTT.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU HOÀN THÀNH ĐẾN HẾT NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày / /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Phát triển hạ tầng số			
1	Tiếp tục duy trì hạ tầng kỹ thuật phục vụ hệ thống Hội nghị trực tuyến đồng bộ ở cả 03 cấp chính quyền và kết nối với hệ thống Hội nghị trực tuyến quốc gia.	Duy trì	Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở	
2	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu: nông nghiệp, môi trường; an ninh-trật tự; kiểm soát mực nước hồ đập, khai thác khoáng sản, ô nhiễm môi trường, cháy rừng, tàu cá...	Đẩy mạnh ứng dụng	Các đơn vị trực thuộc Sở	Văn phòng Sở
II	Ứng dụng CNTT trong các CQNN			
3	Tỷ lệ các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn bản có hồ sơ mật theo quy định).	100%	Các phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở	
4	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	50%	Các phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở	
5	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	100%	Các Chi cục, Trung tâm trực thuộc Sở	Văn phòng Sở

6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng đào tạo trực tuyến đại trà.	100%	Các phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở	
III	Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp			
7	Tỷ lệ các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và được cung cấp trên các phương tiện truy cập khác nhau.	100%	Các phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở
8	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	95%	Các phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.	20%	Các phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở
IV	Bảo đảm an toàn thông tin			
10	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin phải triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.	100%	Các đơn vị vận hành hệ thống thông tin	
11	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước gán nhãn tín nhiệm mạng trên cổng/trang thông tin điện tử.	100%	Các đơn vị vận hành trang thông tin điện tử	
12	Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo quy định.	100%	Các đơn vị vận hành hệ thống thông tin	

PHỤ LỤC II. DANH MỤC NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày / /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	NHIỆM VỤ NĂM 2025					
1	Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ; quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Sở	Lê Sỹ Nghiêm, Phó Giám đốc Sở	Văn phòng	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát	Thường xuyên
2	Dự án: Rà soát, cập nhật hoàn thiện đầu tư trang thiết bị, phần mềm, cập nhật, số hóa dữ liệu để xây dựng các cơ sở dữ liệu: đất đai, tài nguyên, khoáng sản phục vụ công tác quản lý trên địa bàn tỉnh	Lê Sỹ Nghiêm, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 6/2025: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; - Thời gian thực hiện: 2025-2027
3	Dự án chỉnh lý tài liệu nền giấy lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường nhằm giúp sắp xếp, điều chỉnh, hệ thống hóa hồ sơ tài liệu sau sáp nhập Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, sử dụng thông tin, giúp xác định giá trị tài liệu và phân loại tài liệu, từ đó có kế hoạch bảo quản, sử dụng phù hợp, giảm rủi ro mất mát và hư hỏng tài liệu	Lê Sỹ Nghiêm, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự toán	- Tờ trình và dự toán nhiệm vụ: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyệt dự toán: Tháng 7/2025; - Thời gian thực hiện: 2025-2026.

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
4	Hệ thống cảnh báo và phòng cháy chữa cháy rừng thông minh	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 7/2025: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; - Thời gian thực hiện: 2025-2026
5	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong nuôi trồng thủy sản.	Nguyễn Đức Cường, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Biển đảo và Thủy sản	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 7/2025: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; - Thời gian thực hiện: 2025-2027
6	Ứng dụng công nghệ 4.0 quản lý tàu cá và sản lượng thủy sản ở cấp tỉnh.	Nguyễn Đức Cường, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Biển đảo và Thủy sản	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Tháng 7/2025; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2029.
7	Ứng dụng viễn thám và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và quản lý rừng	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 7/2025 Quyết định phê duyệt dự án; - Thời gian thực

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
						hiện: 2025 - 2026
8	Nền tảng số quản lý chi trả dịch vụ môi trường rừng và hỗ trợ sinh kế vùng đệm	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nhu Thanh	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 8/2025: Quyết định phê duyet dự án; - Thời gian thực hiện: 2025-2026
9	Dự án: Xây dựng, nâng cấp, tích hợp hoàn thiện hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quản lý Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, kết nối liên thông với các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia, các sở, ngành trong tỉnh	Lê Sỹ Nghiêm, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyet chủ trương đầu tư: Tháng 8/2025; - Thời gian thực hiện: 2025-2027.
10	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống Cloud Network đảm bảo về quản lý hạ tầng, an toàn thông tin, bảo mật và lưu trữ dữ liệu chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Lê Sỹ Nghiêm, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyet chủ trương đầu tư: Tháng 8/2025; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2026.

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
11	Xây dựng Hệ thống quản lý, theo dõi thông tin về các dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Lê Phương Nam, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	- Phòng Quản lý đất đai; - Văn phòng Đăng ký đất đai; - Các đơn có liên quan	Quyết định phê duyệt dự án	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Tháng 9/2025; - Thời gian thực hiện: 2025-2026.
12	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Phạm Văn Hoàn, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	- Phòng Khoáng sản, địa chất. - Các đơn có liên quan	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Tháng 9/2025; - Thời gian thực hiện: 2025-2026
13	Điều chỉnh Đề án Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa	Cao Văn Cường, Giám đốc Sở	Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở.	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 9/2025: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; - Thời gian thực hiện: 2026-2030

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
14	Xây dựng phần mềm định danh, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản; kết hợp tích hợp, nâng cấp phần mềm “Kết nối cung cầu sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”	Đặng Văn Hiệp, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các sở, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 9/2025: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; - Thời gian thực hiện: 2026-2030
15	Mua sắm, trang bị máy bay không người lái có camera giám sát (Flycam) phục vụ công tác giám sát biến động rừng, phát hiện phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật, cháy rừng; hỗ trợ chỉ huy chữa cháy rừng	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Tháng 9/2025; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2029;
16	Ứng dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu, các thiết bị, kỹ thuật hiện đại để theo dõi, quản lý, giám sát tài nguyên rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 9/2025: Quyết định phê duyệt dự án; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2029;
17	Cập nhật dữ liệu phần mềm nhận dạng nhanh một số loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 9/2025: Quyết định phê duyệt dự án; - Thời gian thực

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
						hiện: 2025 - 2029;
18	Xây dựng phần mềm có ứng dụng AI trong nhận diện nhanh và giám sát một số loài động thực vật nguy cấp, quý hiếm và phổ biến có phân bố tại Khu BTTN Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 9/2025: Quyết định phê duyet dự án; - Thời gian thực hiện: 2026 - 2029;
19	Ứng dụng thiết bị bay không người lái Flycam trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại Khu BTTN Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá.	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 9/2025: Quyết định phê duyet dự án; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2027;
20	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành thủy sản cấp tỉnh phục vụ quản lý và phát triển bền vững, tạo hệ thống cơ sở dữ liệu số dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước.	Nguyễn Đức Cường, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Biển đảo và Thủy sản	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 9/2025: Quyết định phê duyet dự án; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2025;
21	Xây dựng và triển khai phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển nông thôn	Nguyễn Đức Cường, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Phát triển nông thôn	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Tháng 10/2025: Quyết định phê duyet dự án; - Thời gian thực hiện: 2026 - 2030;
22	Ứng dụng các công nghệ của công nghiệp 4.0 (trí tuệ nhân tạo, thực tại ảo...) xây dựng hệ thống giám sát hồ	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban quản lý Vườn quốc gia	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ	- Tháng 10/2025: Quyết định phê

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	trợ bảo tồn loài động thực vật rừng quý hiếm, nguy cấp tại Vườn Quốc gia Xuân Liên và các Khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa		Xuân Liên		trương đầu tư	duyet dự án; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2029;
23	Ứng dụng công nghệ AI để thiết lập các trợ lý ảo chuyên biệt phục vụ công tác bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững tại Vườn quốc gia Xuân Liên	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Liên	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	- Tháng 10/2025: Quyết định phê duyệt dự án; - Thời gian thực hiện: 2026 - 2029;
24	Xây dựng CSDL về các mô hình trình diễn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Đặng Văn Hiệp, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Khuyến nông	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Tháng 11/2025: Quyết định phê duyệt dự án; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2026;
25	Dự án “Xây dựng hệ thống quản lý thông tin thủy lợi tổng hợp tại lưu vực sông Mã - miền Trung Việt Nam (tỉnh Thanh Hóa)”	Nguyễn Hoài Nam, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Thủy lợi	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo kết quả sản phẩm dự án khi được bàn giao (giải trình thời gian hoàn thành).	Tháng 9/2025
26	Nâng cấp hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quản lý Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa đã triển khai trong giai đoạn trước để phù hợp với	Lê Sỹ Nghiêm, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan; đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	chức năng nhiệm vụ, sắp xếp đơn vị hành chính mới					duyet chủ trương đầu tư: Tháng 9/2025; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2026
27	Thử nghiệm Robot thăm dò đáy biển	Nguyễn Đức Cường, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Biển đảo và Thủy sản	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo kết quả triển khai thí điểm	Hoàn thành báo cáo kết quả trong tháng 3/2026
28	Dự án: Đầu tư trang thiết bị và xây dựng phần mềm và các CSDL ngành Nông nghiệp và Môi trường (lâm nghiệp, thủy lợi, tài nguyên nước, trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, tài nguyên khoáng sản,...)	Lê Sỹ Nghiêm, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Tháng 6/2026: Quyết định phê duyệt dự án; - Thời gian thực hiện: 2026 - 2027 và hoàn thành dự án
29	Dự án: Xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa	Cao Văn Cường, Giám đốc Sở	Phòng Kế hoạch, Tài chính	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Phòng Kế hoạch, Tài chính báo cáo kết quả dự án	Hoàn thành dự án: tháng 6/2026
30	Phần mềm báo cáo kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cao Văn Cường, Giám đốc Sở	Phòng Kế hoạch, Tài chính	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Chuẩn bị, trình phê duyệt dự án trong năm 2025. - Hoàn thành dự án: năm 2026

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
31	Phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo ứng dụng trong nhận diện loài, xây dựng cơ sở dữ liệu số, giám sát đa dạng sinh học và mối đe dọa phục vụ quản lý bảo tồn và phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Vườn Quốc gia Bến En	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban quản lý Vườn Quốc gia Bến En	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Chuẩn bị, trình phê duyệt dự án trong năm 2025 - Thời gian thực hiện: 2026 - 2030 và hoàn thành dự án
32	Xây dựng công cụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo quản lý biến động sử dụng đất, tài nguyên rừng qua ảnh chụp bằng máy bay không người lái	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban quản lý Vườn Quốc gia Bến En	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Chuẩn bị, trình phê duyệt dự án trong năm 2025 - Thời gian thực hiện: 2026 - 2028 và hoàn thành dự án
33	Xây dựng phần mềm Quản lý hoạt động kiểm nghiệm chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	Đặng Văn Hiệp, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Chuẩn bị, trình phê duyệt dự án trong năm 2025 - Thời gian thực hiện: 2026 - 2028 và hoàn thành dự án
34	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	Đặng Văn Hiệp, Phó Giám đốc Sở	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Chuẩn bị, trình phê duyệt dự án trong năm 2025 - Thời gian thực

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
						hiện: 2026 - 2028 và hoàn thành dự án
35	Xây dựng hệ thống giám sát hoạt động tuần tra bảo vệ rừng trực tuyến (Online) nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong hoạt động bảo vệ rừng tại Khu BTTN Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá	Lê Đức Thuận, Phó Giám đốc Sở	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Chuẩn bị, trình phê duyệt dự án trong năm 2025 - Thời gian thực hiện: 2026 - 2028 và hoàn thành dự án;
36	Đầu tư trang thiết bị, nâng cấp phần mềm, cập nhật, số hóa dữ liệu Kho lưu trữ điện tử ngành Nông nghiệp và Môi trường.	Lê Sỹ Nghiêm, Phó Giám đốc Sở	Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyệt dự án: Tháng 9/2025; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2029 và hoàn thành dự án;
37	Số hóa thông tin, dữ liệu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cập nhật vào phần mềm quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa	Cao Văn Cường, Giám đốc Sở	Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Tháng

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Lãnh đạo Sở phụ trách	Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư)	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
						9/2025; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2027 và hoàn thành dự án;
38	Làm sạch dữ liệu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa và kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Cao Văn Cường, Giám đốc Sở	Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định phê duyệt dự án	- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Tháng 6/2025; - Quyết định phê duyet chủ trương đầu tư: Tháng 9/2025; - Thời gian thực hiện: 2025 - 2027 và hoàn thành dự án;

Phụ lục III: TIẾN ĐỘ QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA SỞ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày / /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung công việc	Yêu cầu sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì theo dõi, thực hiện (Phòng, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị)	Đơn vị phối hợp (Phòng, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị)	Ghi chú
1	Tên Dự án 1:						
	Hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Trước .../.../2025	Giám đốc hoặc PGĐ Nguyễn Văn A	Tên phòng, đơn vị cụ thể	Tên phòng, đơn vị cụ thể	
	Hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi (trong trường hợp thiết kế 2 bước); Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật (trong trường hợp thiết kế 1 bước) trình thẩm định, phê duyệt	Báo cáo Nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật	Trước .../.../2025	Giám đốc hoặc PGĐ Nguyễn Văn A	Tên phòng, đơn vị cụ thể	Tên phòng, đơn vị cụ thể	
	Trình thẩm định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Tờ trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Sau 02 ngày kể từ khi được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo KT-KT	Giám đốc hoặc PGĐ Nguyễn Văn A	Tên phòng, đơn vị cụ thể	Tên phòng, đơn vị cụ thể	
	Phê duyệt Thiết kế chi tiết và dự toán (Trong trường hợp thiết kế 2 bước)	Quyết định phê duyệt Thiết kế chi tiết	Trước .../.../2025	Giám đốc hoặc PGĐ Nguyễn Văn A	Tên phòng, đơn vị cụ thể	Tên phòng, đơn vị cụ thể	

	<i>Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Kế hoạch được duyệt</i>	<i>Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu</i>	<i>.... ngày sau khi Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt</i>	<i>Giám đốc hoặc PGĐ Nguyễn Văn A</i>	<i>Tên phòng, đơn vị cụ thể</i>	<i>Tên phòng, đơn vị cụ thể</i>	
	<i>Ký Hợp đồng với nhà thầu trúng thầu gói thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị, phần mềm ..</i>	<i>Hợp đồng cung cấp, lắp đặt thiết bị</i>	<i>.... ngày sau khi phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu</i>	<i>Giám đốc hoặc PGĐ Nguyễn Văn A</i>	<i>Tên phòng, đơn vị cụ thể</i>	<i>Tên phòng, đơn vị cụ thể</i>	
	<i>Nghiệm thu công tác triển khai cung cấp, lắp đặt thiết bị, phần mềm theo Hợp đồng ký kết với nhà thầu</i>	<i>Biên bản nghiệm thu hợp đồng</i>	<i>Trước / / 202.</i>	<i>Giám đốc hoặc PGĐ Nguyễn Văn A</i>	<i>Tên phòng, đơn vị cụ thể</i>	<i>Tên phòng, đơn vị cụ thể</i>	
	<i>Lập Báo cáo quyết toán và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định</i>	<i>Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành</i>	<i>Trước / / 202.</i>	<i>Giám đốc hoặc PGĐ Nguyễn Văn A</i>	<i>Tên phòng, đơn vị cụ thể</i>	<i>Tên phòng, đơn vị cụ thể</i>	
2	Tên Dự án 2:						
	Nội dung tương tự như đối với Dự án 1						
							

Phụ lục IV: Một số yêu cầu trong quá trình đề xuất chủ trương đầu tư
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày / /2025 của Sở Nông nghiệp và
Môi trường

Trên cơ sở danh mục các nhiệm vụ/dự án tại Phụ lục II của Kế hoạch này, các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ/dự án có Tờ trình đề xuất thực hiện nhiệm vụ/dự án, tham mưu báo cáo Giám đốc Sở trình UBND tỉnh theo quy định.

Trong đó:

1. Nội dung đề xuất thực hiện nhiệm vụ/dự án phải báo cáo đánh giá rõ thực trạng hạ tầng CNTT, cơ sở dữ liệu, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại đơn vị, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, làm cơ sở xem xét sự cần thiết đầu tư cũng như sự phù hợp trong mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư dự kiến.

2. Nội dung đề xuất cần có dự kiến sơ bộ nội dung, quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư; trong đó, đề nghị các đơn vị vận dụng các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về phương pháp xác định tổng mức đầu tư các dự án CNTT, chuyển đổi số để khái toán dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ/dự án, làm cơ sở cho các đơn vị chức năng có ý kiến tham gia cụ thể về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

3. Trên cơ sở năng lực, kinh nghiệm triển khai đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin, Chủ đầu tư đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định triển khai dự án theo phương án thiết kế 01 bước hoặc 02 bước